



PHIẾU ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHẤP NHẬN RỦI RO CỦA NHÀ ĐẦU TƯ INVESTOR RISK PROFILE QUESTIONNAIRE

Lưu ý:
Note :

- Phiếu đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro dựa trên cơ sở tiêu chuẩn đánh giá của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam (ManulifeAM Việt Nam). Phiếu đánh giá này nhằm mục đích giúp cho Nhà Đầu Tư tự đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro của mình trước khi thực hiện mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ của các Quỹ Mở do ManulifeAM Việt Nam quản lý.
This investor's risk profile Questionnaire is based on ManulifeAM Vietnam evaluation criteria. This questionnaire is aims to help the Investor to evaluate his/her risk profile before opening a Fund Trading Account for the Open-Ended Funds which are managed by ManulifeAM Vietnam.
- Phiếu đánh giá này chỉ mang tính chất tham khảo cho Nhà Đầu Tư và không có hàm ý là một khuyến nghị Đầu Tư cho bất kỳ giao dịch đầu tư nào.
This questionnaire is only used for the Investor's reference and it does not representan investment recommendation in any circumstances.
- Nhà Đầu Tư cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình trong bất kỳ mọi trường hợp.
The Investor take full responsibility for his/her own investment decision.

A. Đánh giá khả năng chấp nhận rủi ro/ Ability to take risk assessment?

1. Bạn đang ở độ tuổi nào?/ What is your age? (*)

- > 60 (1) 50 - 60 (2) 35 - 49 (3) < 35 (4)

2. Trình độ học vấn của bạn?/ What is your education level? (*)

- Trung học/ Cao đẳng (1) Đại học/ Sau đại học (2)
Hightschool/ College BA/ MBA

(*) Câu 1 và 2 chỉ dành cho Nhà Đầu Tư cá nhân

(*) Question 1 and 2 are for Individual investors only

3. Bạn có kinh nghiệm trong hoạt động đầu tư chứng khoán như thế nào?

Do you have experience in securities investment?

- Chưa có kinh nghiệm (1) Dưới 1 năm kinh nghiệm (2)
Inexperienced Less than 1 year of experience
- 1 - 5 năm kinh nghiệm (3) Trên 5 năm kinh nghiệm (4)
1 - 5 years of experience More than 5 years of experience

4. Thời gian dự kiến bạn sẽ nắm giữ khoản đầu tư trung bình là bao lâu?

How long do you expect to hold this investment?

- Dưới 1 năm (1) 1 - 3 năm (2)
Less than 1 year 1 - 3 years
- 3 - 5 năm (3) Trên 5 năm (4)
3 - 5 years More than 5 years

5. Bạn có cần thu nhập từ những khoản đầu tư này cho các chi phí đời sống hàng ngày?

Do you need income from this investment for your daily living expenses?

- Rất cần (1) Cần 1 phần lớn (2)
Critical Need a large portion
- Cần 1 phần nhỏ (3) Không quan trọng (4)
Need a small portion Not important

6. Khoản đầu tư này chiếm bao nhiêu % trong tổng tài sản của bạn?

How many percentage does this investment account for in your total assets?

- Trên 60% (1) 30% - 60% (2)
Over 60% 30% - 60%
- 10% - 30% (3) Dưới 10% (4)
10% - 30% Under 10%

B. Đánh giá mức độ sẵn sàng chấp nhận rủi ro/ Willingness to take risk assessment

7. Định hướng đầu tư của bạn/ What is your investment expectation?

- Tôi không chấp nhận bất kỳ khoản lỗ nào cho dù khả năng đạt lợi nhuận có thể cao hơn (1)
I do not wish any losses despite higher probability of higher return.
- Tôi có thể chấp nhận khả năng có thể có khoản lỗ nhỏ để có thể đạt được một mức lợi nhuận cao hơn (2)
I can accept small losses in value of my investment for the possibility of achieving moderately higher return
- Tôi có thể chấp nhận khả năng có thể lỗ nhiều để có thể đạt mức lợi nhuận cao hơn nữa (3)
I can accept losses in value of my investment for the possibility of achieving higher returns
- Tôi có kỳ vọng lợi nhuận cao và không có giới hạn về đầu tư định mức (4)
I have high return expectation for my investments and have no investment constraints

8. Đầu tư thường có sự đánh đổi giữa lợi nhuận và rủi ro. Về dài hạn, khoản đầu tư rủi ro hơn có khả năng mang lại lợi nhuận cao hơn cho Nhà Đầu Tư cũng như khả năng lỗ cao hơn so với khoản đầu tư ít rủi ro.

Investment involves in a trade-off between risk and return. Over the long run, the riskier investments might have the potential to give investors higher return as well as the possibility of suffering higher losses than less risky investments.

Mức độ chấp nhận rủi ro của bạn là?/ What is your risk acceptance level?

- Rất thấp: Tôi cần sự bảo toàn vốn gốc đầu tư bất kể lợi nhuận có thấp nhất (1)
Very low: I need and capital protection investment regardless of low possible return
- Ở mức độ vừa phải: Tôi có thể chấp nhận lỗ/ biến động cho khả năng có thể đạt mức lợi nhuận cao hơn (2)
Moderate: I can accept some market/ volatility for the possibility of achieving slightly higher long - term returns
- Trung bình: Tôi có thể chấp nhận sự suy giảm và biến động của thị trường để có thể đạt mức lợi nhuận đầu tư cao hơn trong dài hạn (3)
Average: I can tolerate market downturns and volatility for the possibility of achieving higher long - term returns
- Cao: tôi chấp nhận sự biến động mạnh của thị trường có thể ảnh hưởng đến danh mục để có khả năng đạt mức lợi nhuận cao (4)
High: I can tolerate the high degrees of market fluctuations (sharp, short - term volatility) in the value of my investments for the possibility by achieving much higher long - term return

9. Theo thời gian, một khoản đầu tư thận trọng chủ yếu tập trung vào việc bảo toàn vốn có thể tạo ra mức lợi nhuận thấp hơn tỷ lệ lạm phát, có thể làm giảm đi giá trị sức mua của bạn. Đánh giá về mục tiêu đầu tư, điều nào sau đây phản ánh đúng nhất quan điểm của bạn về lạm phát và rủi ro.

Over of time, a conservative investment mainly focusing on capital protection would generate returns less than inflation, which could reduce the your purchasing power. Considering your investment objective, which of the following choices best reflects your attitude toward inflation and risk?

- Tôi cần tránh mất mát vốn đầu tư mặc dù có thể nhận được mức lợi nhuận thấp hơn mức lạm phát. (1)
I need to avoid loss of principal despite receiving lower returns than inflation
- Tôi có thể chấp nhận khoản lỗ nhỏ để có thể đạt mức lợi nhuận cao hơn mức lạm phát (2)
I can accept small losses of principal to achieve higher returns than inflation
- Tôi muốn mức cao hơn lạm phát và có thể chấp nhận rủi ro/ biến động (3)
I want to outpace inflation and can tolerate risk/ volatility
- Tôi chấp nhận mức biến động lớn của danh mục đầu tư với mục tiêu đạt được lợi nhuận cao và vượt trội so với mức lạm phát (4)
I am willing to endure large fluctuations in the value of my portfolio for the chance to obtain a higher return that is significantly higher than inflation

10. Mức lỗ từ việc đầu tư vào Quỹ tương hỗ mà bạn có thể chấp nhận trong một thời gian ngắn?

How large are the losses from investments in Mutual Fund that you could accept in short - term?

- Dưới 10% (1)
Under 10%
- 10% - 20% (2)
10% - 20%
- 20% - 50% (3)
20% - 50%
- Trên 50% (4)
More than 50%

Bảng điểm mức độ chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư/ Risk profile scoring sheet

Câu 1/ Question 1	<input type="checkbox"/>	Câu 6/ Question 6	<input type="checkbox"/>
Câu 2/ Question 2	<input type="checkbox"/>	Câu 7/ Question 7	<input type="checkbox"/>
Câu 3/ Question 3	<input type="checkbox"/>	Câu 8/ Question 8	<input type="checkbox"/>
Câu 4/ Question 4	<input type="checkbox"/>	Câu 9/ Question 9	<input type="checkbox"/>
Câu 5/ Question 5	<input type="checkbox"/>	Câu 10/ Question 10	<input type="checkbox"/>
Tổng điểm/ Total score			

Mức Độ Chấp Nhận Rủi Ro Của Nhà Đầu Tư/ *Investor Risk Profile Score*

Tổ chức Institutional	Cá nhân Individual	Mức độ chấp nhận rủi ro Your risk profile
< 13	< 15	Chấp nhận rủi ro thấp: Bạn là mẫu Nhà Đầu Tư không sẵn lòng hoặc không thể chấp nhận rủi ro/ biến động, mong muốn mức lợi nhuận đầu tư cao hơn mức lãi suất ngân hàng và kỳ vọng vào đầu tư ngắn hạn. Low risk profile: You are a cautious investor who is unwilling or unable to accept risk/ volatility, expect returns higher than bank deposit rates and prefer short- term investments
13 - 18	15 - 21	Chấp nhận rủi ro thấp tới trung bình: bạn sẵn lòng và có thể chấp nhận rủi ro/ biến động, chú trọng đến bảo toàn vốn đầu tư, và cần thu nhập từ các khoản đầu tư. Low to medium risk profile: You are willing and able to accept low risk/volatility, favour capital preservation investment, and need current income from your investments.
19 - 24	22 - 29	Chấp nhận rủi ro trung bình: bạn có thể chấp nhận lỗ trong ngắn hạn theo định kỳ. Medium risk profile: You can tolerate losses in the short-term.
25 - 30	30 - 36	Chấp nhận rủi ro cao: bạn có thể chấp nhận mức độ rủi ro cao, và chấp nhận sự biến động của thị trường và chấp nhận lỗ nhằm đạt được mức lợi nhuận trong dài hạn. High risk profile: You are able to accept a high level of risk and can tolerate market fluctuation and losses for the possibility of growing your investments and achieving long-term gains.
> 31	> 37	Mức rủi ro rất cao: bạn là người chấp nhận rủi ro và có kỳ vọng cao cho khoản đầu tư và chấp nhận mức biến động mạnh giá trị các khoản đầu tư nhằm đạt được kỳ vọng lợi nhuận trong tương lai dài. Very high risk profile: You are risk taker who has a high return expectation for your investment and can tolerate higher degrees of fluctuation (sharp, short-term volatility) in the value of your investments and accept significant losses for the possibility of achieving greater long-term gains.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Manulife (MAFEQI) là Quỹ phù hợp với Nhà Đầu Tư chấp nhận rủi ro cao đến rất cao
Manulife Equity Fund is suitable for the Investor who have high to very high risk profile

Xác nhận của Nhà Đầu Tư/ *Acknowledge by The Investor*

- Tôi đã thực hiện bản trả lời Đánh giá mức độ rủi ro của Nhà Đầu Tư như nêu trên và đã được Đại Lý Phân Phối/Đại Lý Ký Danh giải thích và hiểu được mức độ phù hợp của sản phẩm cũng như các rủi ro có thể xảy ra trong thời gian tham gia đầu tư.
I have read, understood and processed the Investor Risk Profile and I have been explained and advised by the Distributor about product risk level and potential investment risk that may occur during the investment period.
- Tôi hiểu Bản đánh giá chỉ nhằm mục đích tham khảo và tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.
I shall take full responsibility for my own investment decision

Chữ ký Nhà Đầu Tư
Investor's signature

Chữ ký nhân viên phân phối
Distributor's signature

Ngày _____ tháng _____ năm _____
Date month year

Ngày _____ tháng _____ năm _____
Date month year